

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 23/3/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng mượn tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Thoại Lượng**

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông **Trần Hoàng T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Thuận: Ông **Phan Văn P**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 175, đường T, ấp Nội Ô, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt). Theo giấy ủy quyền ngày 16/3/2020.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Trần Q**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 424, đường Q ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng T: Ông Phan Văn P trình bày: Vào ngày 16/08/2018, ông Trần Q có mượn của ông T số tiền 30.000.000đ, hợp đồng mượn tài sản lập tại Phòng công chứng T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, thời hạn mượn 02

tháng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 16/10/2018 trả cho ông T số tiền nêu trên không tính lãi, mục đích tiêu dùng. Từ ngày ông Q mượn tiền cho đến nay đã 30 tháng mà không trả cho ông T, ông T có nhiều lần đến đòi tiền nhưng ông Trần Q vẫn cố tình không trả tiền cho ông T.

Như vậy, ông Trần Hoàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Q phải trả tiền vay còn thiếu là 30.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Đối với ông Trần Q là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về quan hệ pháp luật và yêu cầu đương sự:*

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Q trả số tiền mượn là 30.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Khi thụ lý đã xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại phiên tòa, qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*” theo quy định tại Điều 494 Bộ luật dân sự.

[3] Bên cạnh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này và phía nguyên đơn có trình bày về nội dung yêu cầu phía bị đơn trả số tiền mượn 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi hợp đồng mượn tài sản, phía nguyên đơn và bị đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc mượn tài sản trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên hợp đồng mượn tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với tiền vốn mượn, thì thấy rằng: Bị đơn có hợp đồng mượn tài sản với nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng thể hiện qua hợp đồng mượn tài sản ngày 16/8/2018, phía bị đơn đã nhận và ký tên. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn ông Trần Q phải trả số tiền mượn là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 494, Điều 496 Bộ luật dân sự 2015; buộc bị đơn ông Trần Q phải trả cho nguyên đơn ông Trần Hoàng T số tiền mượn là 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành theo quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; **điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228;** khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 494, Điều 496 Bộ luật dân sự năm 2015;

- **Áp dụng khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Q phải trả cho nguyên đơn ông Trần Hoàng T số tiền mượn là 30.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả **lãi** cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: bị đơn ông Trần Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0001329, ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nhân